

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày: 07 – 5 – 2021

“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Tâm**

2. Ông **Nguyễn Tùng Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Nương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thủy Tiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST- DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn H**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số A, đường B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Ngọc Sơn Tr**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số D, đường Ph, Phường E, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

(theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021)

- Bị đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thị Thu Ng**, sinh năm 1986 (vắng)

Địa chỉ: Số F, đường Tr, Phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

2/ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968 (vắng)

Địa chỉ: Số H, đường Ng, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông H trình bày:

Ngày 30/6/2020 ông có cho bà Nguyễn Thị Thu Ng vay 350.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất, có giấy viết tay, thỏa thuận 02 tháng trả. Để đảm bảo số nợ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông cùng thống nhất kí hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất thửa 1114 tờ bản đồ số 9 diện tích 103,7m² tọa lạc ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ và thửa 1243 tờ bản đồ số 5 diện tích 158m² tọa lạc ấp Long Thuận A, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đến nay phía bị đơn vẫn thanh toán nợ nên ông khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng đặt cọc vì thực tế giữa các bên thực hiện giao dịch vay tiền, buộc ông T bà Ng trả số tiền vay 350.000.000đ và trả lãi từ lúc vay đến khi Tòa xét xử, tạm tính đến ngày khởi kiện là 23.240.000đ.

Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải cho bà Nguyễn Thị Thu Ng, Nguyễn Văn T theo đúng quy định pháp luật, triệu tập các đương sự đến tòa để giải quyết vụ án nhưng bà Ng, ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vô hiệu hợp đồng đặt cọc, yêu cầu bà Ng, ông T trả 350.000.000đ và lãi suất 35.586.000đ, tổng cộng 385.586.000đ. Bị đơn bà Ng, ông T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 165 BLTTDS 2015; Điều 116, 117, 122, 124, 131, 463, 466, 468, 470 BLDS năm 2015; Điều 2, 4, 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vô hiệu hợp đồng đặt cọc, buộc bà Ng, ông T trả ông H số tiền vay 350.000.000đ và lãi chậm thanh toán từ ngày 31/8/2020 đến ngày xử xử. Ông H trả ông T, bà Ng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1114 và 1243 (bản gốc). Án phí bà Ng, ông T chịu đối với số tiền buộc trả. Ông H được miễn án phí do có đơn xin miễn vì là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu vô hiệu hợp đồng đặt cọc vì thực tế là giao dịch vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú thuộc địa bàn thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn ông T, bà Ng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 BLTTDS 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về điều luật áp dụng: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp vô hiệu hợp đồng đặt cọc nhà che giấu giao dịch vay tài sản xác lập ngày 30/6/2020 do đó áp dụng các quy định của BLDS 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để giải quyết.

[3] Về nội dung: ngày 30/6/2020 ông H với ông T, bà Ng có kí kết hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1114 tờ bản đồ số 9 diện tích $103,7m^2$ tọa lạc ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ và thửa 1243 tờ bản đồ số 5 diện tích $158m^2$ tọa lạc ấp Long Thuận A, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (bà Ng được ông T ủy quyền ngày 19/6/2020 để kí kết hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng các thửa đất trên) với số tiền 350.000.000đ. Việc thỏa thuận đặt cọc này thực tế là ông H cho bà Ng vay số tiền 350.000.000đ được chứng minh bằng tờ cầm cố đất viết tay có chữ kí tên của bà Ng với thời hạn 02 tháng, đồng thời phía nguyên đơn cũng xác định giao dịch đặt cọc chỉ nhằm che giấu giao dịch vay tài sản, do đó việc khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1114 tờ bản đồ số 9 và thửa 1243 tờ bản đồ số 5 ngày 30/6/2020 là có cơ sở nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 124 BLDS 2015. Ông T ủy quyền cho bà Ng thực hiện giao dịch đặt cọc, nhận tiền cọc nên ông T biết và buộc phải biết về thỏa thuận đặt cọc nhằm mục đích vay. Vì vô hiệu giao dịch do giả tạo nên giao dịch bị che giấu là vay tài sản vẫn có hiệu lực, nên buộc bà Ng và ông T phải có nghĩa vụ trả ông H 350.000.000đ là phù hợp Điều 466, 468, 470 BLDS. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại vô hiệu hợp đồng đương sự không đặt ra nên miễn xét. Buộc ông H có nghĩa vụ trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho ông T, bà Ng.

[4] Về lãi suất: phía nguyên đơn yêu cầu lãi suất chậm thanh toán phù hợp quy định tại Điều 357, 468 BLDS năm 2015 nên được chấp nhận, đối với lãi suất cho vay nguyên đơn không chứng minh được mức lãi suất nên không chấp nhận. Cụ thể: $[350.000.000đ \times (\text{từ ngày } 31/8/2020 \text{ đến ngày } 07/5/2021) \times 0,83\%] = 23.821.000đ$.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Ng, ông T phải chịu án phí theo quy định số tiền buộc trả. Ông H được miễn án phí sơ thẩm do có đơn xin miễn vì là người cao tuổi

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 124, 357, 466, 468, 470 BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Văn T trả ông Đinh Văn H số tiền vay vốn 350.000.000đ và lãi 23.821.000đ, tổng cộng 373.821.000đ (*ba trăm bảy mươi ba triệu tám trăm hai mươi một ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015.

Buộc ông Đinh Văn H trả ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu Ng 02 (hai) tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CN 302330 thửa 1243 tờ bản đồ số 5 diện tích 158m² tọa lạc ấp Long Thuận A, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và số CO 641382 thửa 1114 tờ bản đồ số 9 diện tích 103,7m² tọa lạc ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (bản chính)

2. Án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ng và ông T phải chịu án phí sơ thẩm là 18.691.000đ (*mười tám triệu sáu trăm chín mươi một ngàn đồng*)

Ông H được miễn án phí sơ thẩm do có đơn xin miễn vì là người cao tuổi. Hoàn trả ông H số tiền tạm ứng án phí 9.631.000đ (*chín triệu sáu trăm ba mươi một ngàn đồng*) theo lai thu số 0000010 ngày 27/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Ng, ông T vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THSDS TP Vĩnh Long: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÙ QUÝ NỮ

